

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ ĐẠI TRÀ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Ngành: Tài chính ngân hàng

Lớp: 11.1

Khóa học: 2020-2024

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	TC1002	7113402001	HỒ SỸ QUỐC	AN	29/12/2002	Nam	
2	TC1006	7113402002	BÙI THỊ PHƯƠNG	ANH	25/09/2002	Nữ	
3	TC1012	7113402003	LÊ NGỌC	ANH	31/07/2002	Nữ	
4	TC1014	7113402004	LUYỆN THỊ HẢI	ANH	22/09/2002	Nữ	
5	TC2013	7113402005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	07/10/2002	Nữ	
6	TC2014	7113402006	NGUYỄN TRINH	ANH	14/04/2002	Nữ	
7	TC1030	7113402007	PHẠM THỊ MINH	ANH	29/09/2001	Nữ	
8	TC1033	7113402008	TRẦN BÙI PHƯƠNG	ANH	13/08/2001	Nữ	
9	TC2021	7113402009	PHẠM LINH	CHI	18/02/2002	Nữ	
10	TC2022	7113402010	VÕ THỊ LINH	CHI	28/10/2002	Nữ	
11	TC1052	7113402011	VŨ THỊ LINH	CHI	27/02/2001	Nữ	
12	TC2026	7113402012	NGUYỄN VÂN	CHÍNH	06/02/2001	Nam	
13	TC2027	7113402013	LÊ THỊ THANH	CHÚC	05/09/2002	Nữ	
14	TC1053	7113402014	NGUYỄN ANH	CHÚC	26/08/2002	Nữ	
15	TC1056	7113402015	GIANG NGỌC	ĐẠI	19/05/2002	Nam	
16	TC1057	7113402016	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	26/03/2002	Nữ	
17	TC1064	7113402017	NGUYỄN THỊ THUỶ	DUNG	04/07/2002	Nữ	
18	TC1081	7113402018	TRẦN NINH	GIANG	03/10/2002	Nữ	
19	TC2041	7113402019	NGUYỄN HỒNG	HÀ	11/08/2002	Nữ	
20	TC1094	7113402020	ĐỖ ĐỨC	HẢI	28/09/2002	Nam	
21	TC1105	7113402021	TRẦN THỊ THU	HIỀN	10/11/2002	Nữ	
22	TC1109	7113402022	HOÀNG THÚY	HIỀN	20/02/2002	Nữ	
23	TC1110	7113402023	LÊ THU	HIỀN	11/11/2002	Nữ	
24	TC1112	7113402024	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	19/05/2002	Nữ	
25	TC1114	7113402025	TRỊNH THỊ	HIỀN	07/12/2002	Nữ	
26	TC1127	7113402026	NGUYỄN BÍCH	HUỆ	15/10/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
27	TC2065	7113402027	PHẠM THU	HƯƠNG	01/12/2002	Nữ	
28	TC2069	7113402028	LỘC THỊ THU	HUYỀN	04/02/2002	Nữ	
29	TC1142	7113402029	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	04/06/2002	Nữ	
30	TC008	7113402030	NGUYỄN THU	HUYỀN	10/06/2002	Nữ	
31	TC2079	7113402031	ĐÀO THỊ PHƯƠNG	LAN	24/03/2002	Nữ	
32	TC2080	7113402032	NGUYỄN NGỌC	LAN	10/04/2002	Nữ	
33	TC1154	7113402033	NGUYỄN THỊ	LAN	04/07/2002	Nữ	
34	TC2082	7113402034	PHÙNG THỊ MỸ	LÊ	30/10/2002	Nữ	
35	TC2084	7113402035	ĐÀO PHƯƠNG	LINH	14/10/2002	Nữ	
36	TC1161	7113402036	HOÀNG KHÁNH	LINH	16/08/2002	Nữ	
37	TC1162	7113402037	LÊ THÙY	LINH	20/05/2002	Nữ	
38	TC2087	7113402038	LÊ THUỶ	LINH	19/07/2002	Nữ	
39	TC1167	7113402039	NGUYỄN NHẬT	LINH	17/03/2002	Nữ	
40	TC2090	7113402040	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	01/09/2002	Nữ	
41	TC1177	7113402041	PHAN THỊ NHẬT	LINH	23/06/2002	Nữ	
42	TC2093	7113402042	TRẦN HÀ MAI	LINH	03/12/2002	Nữ	
43	TC2094	7113402043	TRỊNH THỊ MỸ	LINH	12/11/2002	Nữ	
44	TC2096	7113402044	LÊ MINH	LỘC	07/02/2002	Nữ	
45	TC1191	7113402045	LƯU THỊ KHÁNH	LY	16/10/2002	Nữ	
46	TC1194	7113402046	MAI CẨM	LY	11/02/2002	Nữ	
47	TC2098	7113402047	NGUYỄN THỊ	LÝ	19/02/2000	Nữ	
48	TC1207	7113402048	PHÙNG LAN	MY	18/02/2002	Nữ	
49	TC1208	7113402049	DƯƠNG NGỌC	NAM	04/06/2002	Nam	
50	TC2108	7113402051	PHẠM THỊ THANH	NGA	14/01/2002	Nữ	
51	TC1213	7113402052	VŨ THỊ	NGA	07/02/2002	Nữ	
52	TC2114	7113402053	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	20/05/2002	Nữ	
53	TC2117	7113402054	ĐỖ HỒNG	NHUNG	08/11/2002	Nữ	
54	TC1228	7113402055	HÀ HỒNG	NHUNG	18/09/2002	Nữ	
55	TC011	7113402056	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	05/04/2002	Nữ	
56	TC2119	7113402057	NGUYỄN THU	NHUNG	06/07/2002	Nữ	
57	TC2120	7113402058	VƯƠNG THỊ	NHUNG	06/09/2002	Nữ	
58	TC1233	7113402059	ĐỖ HỮU	PHÚC	15/04/2002	Nam	
59	TC1237	7113402060	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	10/07/2002	Nữ	
60	TC1238	7113402061	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	22/09/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
61	TC1243	7113402062	NGUYỄN BÁ	QUANG	11/11/2002	Nam	
62	TC1251	7113402063	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	19/11/2002	Nữ	
63	TC1253	7113402064	VŨ THỊ DIỄM	QUỲNH	14/12/2001	Nữ	
64	TC1254	7113402065	HÀN ĐỨC NAM	SON	14/11/2002	Nam	
65	TC2132	7113402066	TRINH QUANG	SON	10/01/2002	Nam	
66	TC1260	7113402067	NGÔ MINH	THANH	16/04/2002	Nữ	
67	TC1273	7113402068	NGUYỄN THỊ	THU	16/11/2002	Nữ	
68	TC1274	7113402069	PHẠM THỊ	THU	26/02/2002	Nữ	
69	TC1275	7113402070	LÊ THỊ ANH	THÚ	18/11/2002	Nữ	
70	TC1279	7113402071	VŨ NGUYỄN ANH	THÚ	31/12/2002	Nữ	
71	TC2144	7113402072	LƯU BÍCH	THƯƠNG	30/10/2002	Nữ	
72	TC1282	7113402073	TRIỆU HOÀI	THƯƠNG	15/01/2002	Nữ	
73	TC1285	7113402074	ĐỖ THANH	THÚY	02/06/2002	Nữ	
74	TC1291	7113402075	PHẠM THỊ	TRÀ	09/08/2002	Nữ	
75	TC2154	7113402076	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	19/11/2002	Nữ	
76	TC2159	7113402077	VŨ ĐỖ QUỲNH	TRANG	15/11/2002	Nữ	
77	TC2161	7113402078	VŨ THỊ	TRANG	21/05/2002	Nữ	
78	TC1316	7113402079	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRÚC	21/12/2002	Nữ	
79	TC1317	7113402080	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	28/09/2002	Nữ	
80	TC1320	7113402081	NGUYỄN MINH	TÚ	17/09/2002	Nữ	
81	TC016	7113402082	NGUYỄN VĂN	TUYÊN	15/10/2002	Nam	
82	TC1322	7113402083	LÊ THU	UYÊN	25/12/2002	Nữ	
83	TC1330	7113402084	HOÀNG NGHĨA	VŨ	10/04/2002	Nam	
84	TC1338	7113402085	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	YẾN	21/12/2002	Nữ	
85	TC1327	7113402086	PHẠM THỊ	VIÊN	14/08/2002	Nữ	

TỔNG SỐ: 85

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ ĐẠI TRÀ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Ngành: **Quản trị kinh doanh**

Lớp: **11.2**

Khóa học: **2020-2024**

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	QT1006	7113401001	ĐÌNH THỊ LAN	ANH	23/09/2002	Nữ	
2	QT1013	7113401002	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	18/12/2002	Nữ	
3	QT2004	7113401003	NGÔ THỤC	ANH	12/09/2001	Nữ	
4	QT1018	7113401004	NGUYỄN NHẬT	ANH	13/09/2002	Nam	
5	QT1025	7113401005	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	05/12/2002	Nữ	
6	QT1028	7113401006	NGUYỄN VĂN	ANH	10/4/2002	Nữ	
7	QT1029	7113401007	NGUYỄN VĂN	ANH	19/08/2002	Nữ	
8	QT2011	7113401008	PHẠM THỊ MINH	ÁNH	25/05/2002	Nữ	
9	QT2017	7113401009	DƯƠNG THỊ HUYỀN	CHINH	17/07/2002	Nữ	
10	QT1060	7113401010	BÙI TIẾN	ĐẠT	22/08/2002	Nam	
11	QT1066	7113401011	NGUYỄN VĂN	ĐỖ	25/06/2001	Nam	
12	QT2019	7113401012	TỔNG VĂN	DUẬN	01/05/2002	Nam	
13	QT2022	7113401013	ĐỖ MẠNH	DỪNG	02/04/2002	Nam	
14	QT2025	7113401014	VŨ THỊ HỒNG	DƯƠNG	07/06/2002	Nữ	
15	QT1084	7113401015	HOÀNG THỊ HƯƠNG	GIANG	04/03/2002	Nữ	
16	QT2028	7113401016	NGÔ DUY	GIANG	13/12/2002	Nam	
17	QT1086	7113401017	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	23/07/2002	Nữ	
18	QT2030	7113401018	KIỀU THỊ	HÀNG	03/04/2002	Nữ	
19	QT1104	7113401019	NGUYỄN THU	HÀNG	01/06/2002	Nữ	
20	QT1108	7113401020	TRẦN THỊ THANH	HÀNG	19/02/2002	Nữ	
21	QT1126	7113401021	NGUYỄN THỊ	HOA	16/02/2002	Nữ	
22	QT1146	7113401022	CHU THÀNH	HỮU	22/12/2002	Nam	
23	QT2044	7113401023	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	09/10/2002	Nữ	
24	QT1155	7113401024	NGUYỄN THƯƠNG	HUYỀN	30/07/2002	Nữ	
25	QT1161	7113401025	NGUYỄN THANH	LÂM	14/07/2002	Nam	
26	QT2050	7113401026	HOÀNG THỊ HẢI	LIÊN	09/01/2002	Nữ	
27	QT1167	7113401027	LÊ THỊ	LIÊN	27/03/2002	Nữ	
28	QT1173	7113401028	HÀN MAI	LINH	01/12/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
29	QT1175	7113401029	LÊ THỊ THÙY	LINH	28/01/2002	Nữ	
30	QT1176	7113401030	LƯU NHẬT	LINH	18/05/2002	Nữ	
31	QT1187	7113401031	PHÙNG THỊ	LINH	29/06/2002	Nữ	
32	QT1193	7113401032	VŨ THỊ MAI	LINH	06/02/2002	Nữ	
33	QT1205	7113401033	NGUYỄN PHƯƠNG	MAI	20/08/2002	Nữ	
34	QT1207	7113401034	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	24/01/2001	Nữ	
35	QT1208	7113401035	PHAN ĐỨC	MẠNH	09/09/2002	Nam	
36	QT1209	7113401036	TRỊNH THỊ	MẾN	05/11/2002	Nữ	
37	QT1212	7113401037	NGUYỄN TUẤN	MINH	11/04/2002	Nam	
38	QT1213	7113401038	NGUYỄN TUẤN	MINH	27/06/2002	Nam	
39	QT2060	7113401039	LÊ HOÀI	NAM	05/03/2002	Nam	
40	QT1221	7113401040	LƯƠNG KIM	NGÂN	03/12/2002	Nữ	
41	QT2061	7113401041	NGUYỄN THỊ	NGHIÊM	06/09/2002	Nữ	
42	QT1229	7113401042	TRỊNH BẢO	NGỌC	17/07/2002	Nữ	
43	QT1231	7113401043	DUƠNG YẾN	NHI	24/05/2002	Nữ	
44	QT1234	7113401044	BÙI THỊ HUYỀN	NHUNG	13/03/2002	Nữ	
45	QT1236	7113401045	NGUYỄN GIA HỒNG	NHUNG	27/08/2002	Nữ	
46	QT1238	7113401046	NGUYỄN THỊ	NHUNG	16/10/2002	Nữ	
47	QT1243	7113401047	NGUYỄN THỊ HỒNG	OÁNH	20/12/2002	Nữ	
48	QT1245	7113401048	ĐỖ THỊ THU	PHƯƠNG	31/12/2002	Nữ	
49	QT2077	7113401049	HOÀNG ANH	QUÂN	18/12/2002	Nam	
50	QT1255	7113401050	NGUYỄN MANH	QUÂN	28/04/2002	Nam	
51	QT1260	7113401051	NGUYỄN LINH	QUYÊN	12/07/2001	Nữ	
52	QT1269	7113401052	VI THỊ	SA	26/02/2002	Nữ	
53	QT1276	7113401053	PHẠM LÊ THANH	TÂM	25/04/2002	Nữ	
54	QT1277	7113401054	TRẦN KHÁNH	TÂM	05/11/2002	Nam	
55	QT1284	7113401055	PHẠM ĐỨC	THÀNH	03/09/2000	Nam	
56	QT2087	7113401056	NGÔ THỊ	THẢO	29/03/2002	Nữ	
57	QT1294	7113401057	NGÔ THỊ	THẢO	31/01/2002	Nữ	
58	QT1295	7113401058	NGÔ THỊ THU	THẢO	27/11/2002	Nữ	
59	QT1300	7113401059	NGUYỄN THU	THẢO	13/02/2002	Nữ	
60	QT1304	7113401060	VŨ THỊ THU	THẢO	01/11/2002	Nữ	
61	QT2093	7113401061	ĐINH NGỌC MINH	THỨ	09/03/2002	Nữ	
62	QT2096	7113401062	NGUYỄN MINH	THÙY	05/08/2002	Nữ	
63	QT1320	7113401063	NGUYỄN THỊ KIM	THÙY	26/05/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
64	QT1324	7113401064	VĂN THỊ THANH	THỦY	23/10/2002	Nữ	
65	QT3002	7113401065	NGUYỄN THỊ THU	TRÀ	03/12/2002	Nữ	
66	QT1328	7113401066	BÙI THỊ	TRANG	10/11/2002	Nữ	
67	QT1329	7113401067	BÙI THỊ THU	TRANG	26/08/2002	Nữ	
68	QT1337	7113401068	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	06/11/2002	Nữ	
69	QT1338	7113401069	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	28/08/2002	Nữ	
70	QT2107	7113401070	NGUYỄN DUY	TUÂN	13/12/2001	Nam	
71	QT2108	7113401071	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	14/02/2002	Nữ	
72	QT1358	7113401072	TRƯƠNG THỊ HỒNG	VÂN	23/03/2002	Nữ	
73	QT1359	7113401073	VI THỊ DIỆU	VÂN	05/01/2002	Nữ	

TỔNG SỐ: 73

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ ĐẠI TRÀ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Khối Ngành 3: Luật Kinh tế, Quản lý Nhà nước

Lớp:11.3

Khóa học: 2020-2024

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	LU1008	7113801001	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	08/09/2002	Nữ	
2	LU1014	7113801002	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	05/03/2002	Nữ	
3	LU1016	7113801003	CAO XUÂN	BÁCH	31/05/2002	Nam	
4	LU1020	7113801004	HOÀNG THỊ	BÌNH	04/02/2002	Nữ	
5	LU2008	7113801005	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	BÌNH	15/10/2001	Nữ	
6	LU2013	7113801006	BÙI QUÝ	ĐẠT	24/03/2002	Nam	
7	LU1028	7113801007	ĐƯƠNG THỊ	DIU	10/10/2002	Nữ	
8	LU1031	7113801008	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	13/08/2002	Nữ	
9	LU1040	7113801009	NGUYỄN NGÂN	GIANG	09/08/2002	Nữ	
10	LU005	7113801010	LÊ MINH	HÀ	15/12/2002	Nữ	
11	LU1043	7113801011	NGUYỄN NGỌC	HÀ	14/10/2002	Nữ	
12	LU2020	7113801012	NGÔ	HẢI	21/09/2002	Nam	
13	LU1049	7113801013	NGUYỄN MINH	HIỀN	26/11/2002	Nam	
14	LU2022	7113801014	TRẦN XUÂN	HIẾU	07/07/2002	Nam	
15		7113801015	NGUYỄN VĂN	HUY	18/08/2002	Nam	
16	LU1057	7113801016	TRƯƠNG VĂN	HÙNG	21/08/2002	Nam	
17	LU2025	7113801017	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HƯƠNG	22/12/2001	Nữ	
18	LU1074	7113801018	HOÀNG NGÔ NAM	KHÁNH	10/04/2002	Nam	
19	LU2031	7113801019	LÊ PHƯƠNG	LIÊN	30/06/2002	Nữ	
20	LU1089	7113801020	NGÔ PHƯƠNG	LINH	14/03/2002	Nữ	
21	LU006	7113801021	NGUYỄN THỊ NHẬT	LINH	27/07/2002	Nữ	
22	LU007	7113801022	VŨ TIẾN	LỘC	19/11/2002	Nam	
23	LU1107	7113801023	NGUYỄN THỊ	NGA	30/10/2002	Nữ	
24	LU1114	7113801024	NGUYỄN TRANG	NHUNG	02/01/2002	Nữ	
25	LU1118	7113801025	NGUYỄN	PHONG	25/11/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
26	LU1126	7113801026	NGUYỄN ANH	QUÂN	24/06/2002	Nam	
27	LU3000	7113801027	NGUYỄN THANH	VÂN	16/04/2002	Nữ	
28	LU3001	7113801028	BÙI ĐỨC	LONG	17/11/2002	Nam	
29	LU1127	7113801029	NGUYỄN ĐĂNG	QUANG	28/08/2002	Nam	
30	LU1129	7113801030	LÊ HOÀNG	QUYÊN	30/04/2002	Nữ	
31	LU1192	7113801031	TRẦN HOÀNG	SƠN	28/10/2002	Nam	
32	LU1139	7113801032	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	10/04/2002	Nữ	
33	LU2065	7113801033	MAI THANH	THẢO	24/10/2001	Nữ	
34	LU011	7113801034	HOÀNG THÀNH	THIỆN	18/03/2000	Nam	
35	LU1151	7113801035	DƯƠNG MINH	THƯ	17/04/2002	Nữ	
36	LU1155	7113801036	LẠI THỊ VÂN	THÚY	21/12/2002	Nữ	
37	LU1160	7113801037	TRẦN VŨ HẢI	TRÂN	04/05/2002	Nữ	
38	LU1167	7113801038	VƯƠNG QUỲNH	TRANG	03/12/2002	Nữ	
39	LU1177	7113801039	BÙI THỊ THẢO	VI	19/07/2002	Nữ	
40	LU1191	7113801040	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	26/11/2002	Nữ	
41	QL1044	7113102001	NGUYỄN THỊ KIM	THƯ	17/10/2002	Nữ	
42	QL3000	7113102002	DƯƠNG QUANG	NGUYỄN	16/02/1999	Nam	

TỔNG SỐ: 42

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ ĐẠI TRÀ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Ngành: **Kinh tế**

Lớp:**11.4**

Khóa học: **2020-2024**

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	KT1010	7113101001	HÀ THỊ LAN	ANH	18/04/2002	Nữ	
2	KT2007	7113101002	HOÀNG HẢI	ANH	14/06/2002	Nữ	
3	KT1011	7113101003	HOÀNG NGỌC	ANH	31/12/2001	Nữ	
4	KT1012	7113101004	HOÀNG THỊ TRÀ	ANH	09/01/2002	Nữ	
5	KT1013	7113101005	HOÀNG TÚ	ANH	09/10/2002	Nữ	
6	KT1024	7113101006	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	01/04/2002	Nữ	
7	KT2010	7113101007	NGUYỄN TRÚC	ANH	15/12/2002	Nữ	
8	KT2014	7113101008	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	12/09/2002	Nữ	
9	KT1043	7113101009	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC	BẢO	25/10/2002	Nam	
10	KT1044	7113101010	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	22/08/2001	Nữ	
11	KT1052	7113101011	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	28/10/2002	Nam	
12	KT2147	7113101012	CAO HOÀNG NGỌC	DIỄM	16/10/2002	Nữ	
13	KT1064	7113101013	VŨ MINH	ĐỨC	16/02/2002	Nam	
14	KT1065	7113101014	NGUYỄN THỊ	DUNG	21/03/2002	Nữ	
15	KT1069	7113101015	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	16/08/2002	Nam	
16	KT1073	7113101016	KIỀU XUÂN	DƯƠNG	12/05/2002	Nam	
17	KT1077	7113101017	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	21/11/2002	Nữ	
18	KT1079	7113101018	ĐỖ THỊ HƯƠNG	GIANG	31/03/2002	Nữ	
19	KT1083	7113101019	NGUYỄN DƯƠNG	GIANG	12/09/2002	Nữ	
20	KT1094	7113101020	NGUYỄN NHẬT	HÀ	11/03/2002	Nữ	
21	KT1098	7113101021	NGUYỄN THANH	HẢI	12/01/2002	Nam	
22	KT1107	7113101022	HOÀNG THỊ HẢI	HẬU	22/10/2002	Nữ	
23	KT2053	7113101023	VŨ THỊ	HIỀN	30/12/2002	Nữ	
24	KT1118	7113101024	ĐỖ LÂM	HIẾU	11/11/2002	Nam	
25	KT1119	7113101025	NGUYỄN SỸ	HIẾU	23/02/2002	Nam	
26	KT2064	7113101026	NGUYỄN THỊ	HỒNG	23/05/2002	Nữ	
27	KT1132	7113101027	ĐÀM THỊ NGỌC	HUỆ	29/04/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
28	KT2066	7113101028	NGUYỄN THỊ	HUỆ	13/12/2002	Nữ	
29	KT1133	7113101029	NGUYỄN THỊ	HUỆ	30/08/2001	Nữ	
30	KT1134	7113101030	NGUYỄN THỊ MINH	HUỆ	10/07/2001	Nữ	
31	KT1136	7113101031	NGUYỄN MANH	HÙNG	10/07/2002	Nam	
32	KT1139	7113101032	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	08/03/1999	Nam	
33	KT009	7113101033	CAO THỊ THU	HƯƠNG	16/12/2001	Nữ	
34	KT2070	7113101034	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	01/02/2002	Nữ	
35	KT2073	7113101035	ĐÀO QUANG	HUY	07/10/2002	Nam	
36	KT1148	7113101036	ĐỖ GIA	HUY	21/11/2002	Nam	
37	KT1151	7113101037	NGUYỄN QUỐC	HUY	18/10/2001	Nam	
38	KT1152	7113101038	NINH QUỐC	HUY	28/05/2002	Nam	
39	KT1160	7113101039	NGUYỄN THANH	HUYỀN	29/12/2001	Nữ	
40	KT1162	7113101040	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	17/04/2002	Nữ	
41	KT1167	7113101041	NGUYỄN VĂN	KHỞI	12/11/2002	Nam	
42	KT1169	7113101042	ĐINH THỊ VIỆT	KIỀU	12/03/2002	Nữ	
43	KT1171	7113101043	ĐẶNG HÙNG	LÂM	28/12/2001	Nam	
44	KT2078	7113101044	TÔ NGỌC	LAN	31/12/2002	Nữ	
45	KT1192	7113101045	PHÓ TRÚC	LINH	17/01/2002	Nữ	
46	KT1201	7113101046	LƯƠNG NGUYỄN BÙI	LONG	30/07/2002	Nữ	
47	KT2082	7113101047	NGUYỄN ĐỨC	LONG	15/05/2002	Nam	
48	KT1204	7113101048	LƯU THỊ	LUYẾN	08/10/2002	Nữ	
49	KT1205	7113101049	BÙI HÀN	LY	05/11/2002	Nữ	
50	KT1222	7113101050	ĐỖ TRÀ	MY	02/02/2002	Nữ	
51	KT2085	7113101051	NGUYỄN HOÀI	NAM	05/01/2002	Nam	
52	KT1236	7113101052	MAI THỊ	NGÂN	11/02/2001	Nữ	
53	KT1245	7113101053	HÀ BÍCH	NGỌC	21/12/2002	Nữ	
54	KT2090	7113101054	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	14/05/2002	Nữ	
55	KT2096	7113101055	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	03/01/2002	Nữ	
56	KT1252	7113101056	ĐỖ HẢI	NHI	20/12/2002	Nữ	
57	KT1254	7113101057	NGUYỄN KHÁNH	NHUNG	04/12/2002	Nữ	
58	KT1255	7113101058	NGUYỄN PHÍ PHƯƠNG	NHUNG	15/10/2002	Nữ	
59	KT1264	7113101059	LÊ HỒNG	PHONG	03/07/2002	Nam	
60	KT1266	7113101060	NGUYỄN MẠNH	PHONG	25/10/2002	Nam	
61	KT1270	7113101061	NGUYỄN NGỌC HẠNH	PHÚC	02/11/2002	Nam	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
62	KT1277	7113101062	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	20/08/2002	Nữ	
63	KT1280	7113101063	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	21/11/2002	Nữ	
64	KT1283	7113101064	NGUYỄN CHÍ	QUÂN	22/11/2002	Nam	
65	KT1287	7113101065	NGUYỄN XUÂN	QUANG	26/11/2002	Nam	
66	KT1292	7113101066	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	30/05/2002	Nữ	
67	KT1293	7113101067	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	30/09/2002	Nữ	
68	KT1296	7113101068	TRẦN DIỆU	QUỲNH	28/04/2002	Nữ	
69	KTPT2054	7113101069	HOÀNG XUÂN	THÀNH	14/02/2002	Nam	
70	KT1318	7113101070	HÀ PHƯƠNG	THẢO	30/08/2002	Nữ	
71	KT1322	7113101071	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	06/03/2002	Nữ	
72	KT2118	7113101072	NGUYỄN THỊ	THƯ	18/02/2001	Nữ	
73	KT1334	7113101073	PHẠM THỊ DƯƠNG	THUY	09/09/2002	Nữ	
74	KT1336	7113101074	VŨ THỊ	THÚY	24/03/2002	Nữ	
75	KT1340	7113101075	LÊ ANH	TIẾN	30/05/2002	Nam	
76	KT1346	7113101076	CAO THỊ THU	TRANG	03/08/2002	Nữ	
77	KT1348	7113101077	ĐÀO THỊ	TRANG	05/02/2002	Nữ	
78	KT2125	7113101078	ĐINH THỊ CẨM	TRANG	02/02/2001	Nữ	
79	KT1353	7113101079	ĐỖ THU	TRANG	08/10/2002	Nữ	
80	KT2128	7113101080	NGUYỄN THỊ THUY	TRANG	16/02/2002	Nữ	
81	KT2130	7113101081	NGUYỄN THU	TRANG	25/06/2002	Nữ	
82	KT1370	7113101082	TRỊNH THỊ	TRANG	17/08/2001	Nữ	
83	KT1378	7113101083	NGUYỄN QUÝ	TRỌNG	16/04/2002	Nam	
84	KT1379	7113101084	CAO THỊ THANH	TRÚC	07/09/2002	Nữ	
85	KT2135	7113101085	TRỊNH KIM	TÚ	25/06/2002	Nam	
86	KT1384	7113101086	VŨ QUỐC	TUẤN	03/06/2002	Nam	
87	KT1387	7113101087	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	04/04/2002	Nữ	
88	KT2140	7113101088	KIM HỒNG	VÂN	01/02/2002	Nữ	
89	KT2143	7113101089	NGÔ MINH	VƯƠNG	27/07/2002	Nam	
90	KT2144	7113101090	PHAN TRẦN THẢO	VY	30/11/2002	Nữ	

TỔNG SỐ: 90

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ ĐẠI TRÀ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Khởi Ngành 7: **Kinh tế quốc tế; Kinh tế phát triển**

Lớp: **11.5**

Khóa học: **2020-2024**

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	KTQT1025	7113106001	NGUYỄN MAI	CHI	20/11/2002	Nữ	
2	KTQT010	7113106002	CỦ TRƯỜNG	GIANG	28/09/2001	Nam	
3	KTQT2020	7113106003	LƯU QUANG	HÀ	06/10/2002	Nam	
4	KTQT2039	7113106005	ĐÀO THÀNH	KIÊN	19/12/2000	Nam	
5	KTQT1071	7113106006	VŨ NGỌC HƯƠNG	LAN	29/01/2002	Nữ	
6	KTQT2045	7113106007	TRẦN ĐĂNG THỊ	LINH	16/06/2002	Nữ	
7	KTQT1088	7113106008	VŨ KHÁNH	LINH	26/03/2002	Nữ	
8	KTQT1095	7113106009	HOÀNG MINH	LÝ	26/02/2001	Nữ	
9	KTQT1107	7113106010	NGUYỄN THỊ	NGA	03/01/2002	Nữ	
10	KTQT035	7113106011	ĐỖ THỊ	NGÂN	17/02/2001	Nữ	
11	KTQT2057	7113106012	PHẠM NGỌC	NHÂN	12/02/2002	Nữ	
12	KTQT1115	7113106013	NGUYỄN THẢO	NHI	01/07/2002	Nữ	
13	KTQT2065	7113106014	NGUYỄN THỊ DIỄM	QUỲNH	12/10/2002	Nữ	
14	KTQT1139	7113106015	LÊ HIỀN	THANH	15/08/2020	Nữ	
15	KTQT1143	7113106016	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	25/06/2002	Nữ	
16	KTQT1150	7113106017	NGUYỄN THỊ KIM	THÚ	09/12/2002	Nữ	
17	KTQT2074	7113106018	PHẠM THỊ THU	THUY	28/10/2002	Nữ	
18	KTQT1156	7113106019	BẠCH THỊ THU	TRANG	28/03/2002	Nữ	
19	KTQT2078	7113106020	BÙI THỊ THU	TRANG	21/11/2002	Nữ	
20	KTQT1159	7113106021	LÊ THỊ	TRANG	21/07/2001	Nữ	
21	KTQT2083	7113106023	PHÍ HUYỀN	TRANG	02/07/2002	Nữ	
22	KTQT2084	7113106024	TRẦN QUỲNH	TRANG	18/03/2002	Nữ	
23	KTQT1163	7113106025	VŨ THỊ THUỶ	TRANG	31/07/2002	Nữ	
24	KTQT1167	7113106026	ĐỖ DANH	TÚ	10/11/2002	Nam	
25	KTQT1171	7113106027	NGUYỄN THỊ	UYÊN	10/12/2002	Nữ	
26	KTQT1173	7113106028	LÊ THANH	VÂN	11/01/2002	Nữ	
27	KTQT2092	7113106029	HOÀNG PHẠM HẢI	YẾN	08/11/2002	Nữ	

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
28	KTPT2002	7113105001	ĐOÀN KỶ	ANH	03/10/2001	Nam	
29	KTPT1005	7113105002	LẠI THỊ	BÍCH	08/11/2002	Nữ	
30	KTPT2011	7113105003	HÀ LINH	ĐAN	17/06/2002	Nữ	
31	KTPT1010	7113105004	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	09/08/2002	Nam	
32	KTPT1011	7113105005	VŨ MINH	ĐỨC	23/09/2002	Nam	
33	KTPT1019	7113105006	NGUYỄN THANH	HẢI	20/02/2002	Nữ	
34	KTPT1020	7113105007	NGUYỄN THỊ	HẠNH	08/12/2001	Nữ	
35	KTPT1027	7113105008	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	13/01/2002	Nữ	
36	KTPT1028	7113105009	VŨ NGUYỄN	HOÀNG	12/07/2002	Nam	
37	KTPT2019	7113105010	MA HUY	HÙNG	10/02/2001	Nam	
38	KTPT1035	7113105011	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/08/2002	Nữ	
39	KTPT2027	7113105012	TRẦN THỊ	LINH	05/05/2002	Nữ	
40	KTPT2036	7113105013	PHẠM THỊ	NGỌC	10/02/2001	Nữ	
41	KTPT1049	7113105014	VŨ TRẦN HỒNG	NGỌC	13/12/2001	Nữ	
42	KTPT2037	7113105015	LƯU THỊ YẾN	NHI	25/12/2002	Nữ	
43	KTPT2039	7113105016	ĐỖ NGỌC	PHƯƠNG	08/11/2002	Nữ	
44	KTPT2047	7113105017	ĐỖ THỊ KIỀU	TRANG	04/06/2002	Nữ	Học đợt 2
45	KTPT1067	7113105018	PHẠM QUỲNH	TRANG	09/11/2002	Nữ	
46	KTPT2051	7113105019	HOÀNG THỊ THU	UYÊN	07/09/2002	Nữ	
47	KTPT3001	7113105020	CAO TRƯỜNG	GIANG	12/04/2002	Nam	
48	KTPT3002	7113105021	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	16/06/2002	Nữ	
49	KTPT3003	7113105022	LÝ QUANG	HUY	21/05/2002	Nam	

TỔNG SỐ: 49

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

PHỤ LỤC: DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 11
HỆ CHUẨN QUỐC TẾ (2020-2024)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 09 năm 2020)

Lớp: CQT 11.1

Khóa học: 2020-2024

STT	Mã hồ sơ	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Ghi chú
1	KTQT1062	7113106501	VŨ THỊ	HƯỜNG	18/09/2002	Nữ	
2	QL1022	7113106502	NGUYỄN ĐỖ QUANG	HUY	18/09/2002	Nam	
3	KT2024	7113106503	NGUYỄN ĐẮC	CHIẾN	29/12/2002	Nam	
4	KTQT2081	7113106504	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	22/09/2002	Nữ	
5	KT2110	7113106505	TUÔNG DUY	TÀI	01/05/2002	Nam	Học đợt 2
6	KTQT2069	7113106506	ĐẶNG VĂN	THẮNG	22/09/2002	Nam	
7	TC1010	7113402501	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	14/10/2002	Nữ	
8	TC1124	7113402502	NGUYỄN NGÔ VIỆT	HOÀNG	06/12/2002	Nam	
9	KT1150	7113402503	NGUYỄN GIA	HUY	10/11/2002	Nam	
10	TC2122	7113402504	ĐOÀN LÂM VINH	PHÁT	19/12/2002	Nam	
11	TC1024	7113401501	NGUYỄN TRỌNG QUỐC	ANH	30/03/2002	Nam	
12	QL2003	7113401502	NGUYỄN LÊ VIỆT	ANH	11/05/2002	Nam	
13	QT2020	7113401503	ĐOÀN TÀI	ĐỨC	26/11/2002	Nam	
14	QT1101	7113401504	NGUYỄN VIỆT	HẢI	17/06/2002	Nam	
15	QL2014	7113401505	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	02/09/2002	Nam	
16	TC2106	7113401506	NGUYỄN ĐỨC	NAM	05/01/2002	Nam	
17	QT1192	7113401507	VŨ HUYỀN	LINH	26/10/2002	Nữ	
18	LU1117	7113401508	VŨ DIỆU HUYỀN	PHI	31/07/2002	Nữ	
19	LU1158	7113401509	NGUYỄN THU	TRÀ	12/07/2002	Nữ	

TỔNG SỐ: 19